

ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ TRẢI NGHIỆM HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THU TRANG

*Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
nguyenthithutrang@iuh.edu.vn*

Tóm tắt. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên về các kết quả họ đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường Đại học Công nghiệp TP. HCM (IUH) cũng như mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm này. Khảo sát bằng bảng hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu. Thống kê mô tả được sử dụng để phân tích dữ liệu. Dữ liệu thu được từ trả lời của 497 sinh viên đang theo học tại Trường cho thấy: (i) sinh viên cho rằng trải nghiệm học tập tại trường có đóng góp nhiều vào sự phát triển nhân cách, nhưng chỉ đóng góp ở mức trung bình đối với sự tích lũy kiến thức, phát triển các kỹ năng học tập và sự chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai của họ; (ii) mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập tại trường chưa cao. Về mặt lý luận, nghiên cứu đã bổ sung những khía cạnh còn ít được đề cập trong các nghiên cứu ở Việt Nam về kết quả đào tạo của giáo dục đại học ví dụ như sự đóng góp của các trường đại học đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên và sự chuẩn bị nghề nghiệp cho sinh viên. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu đã chỉ ra một số khía cạnh Nhà trường cần cải thiện để nâng cao chất lượng đào tạo của mình bao gồm việc chú trọng phát triển cho sinh viên tư duy phản biện, các kỹ năng viết, phân tích số liệu thống kê, giải quyết vấn đề cũng như việc tạo ra một môi trường học tập thân thiện hơn cho sinh viên. **Từ khóa.** Kết quả học tập, kiến thức, kỹ năng học tập, phát triển nhân cách, sự hài lòng của sinh viên, trải nghiệm học tập.

STUDENTS' EVALUATION OF THE OUTCOMES ACHIEVED FROM THEIR LEARNING EXPERIENCE AT INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY

Abstract. The study was conducted to find out students' evaluation of the outcomes they achieved from their learning experience at Industrial University of Ho Chi Minh city (IUH) and the level of their satisfaction with this experience. A survey was used to collect data. Descriptive statistics was utilized for the data analysis. Data collected from the responses of 497 students studying at IUH showed that (i) students thought that their learning experience at IUH contributed significantly to their development of personality but moderately to their knowledge accumulation, learning skill development, and work preparation; (ii) the level of students' satisfaction with their learning experience was not high. Theoretically, the study added aspects that are little mentioned in Vietnamese research on higher education learning outcomes, for example, the university's contribution to students' development of personality and work preparation. Practically, the research indicated areas the university should improve to increase its training quality, including the focus on developing students' critical thinking, writing, statistical analysis and problem solving skills and the creation of a friendlier learning environment for students.

Keywords. Development of personality, knowledge accumulation, learning skills, learning experience, learning outcomes, student satisfaction.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục đại học có vai trò rất quan trọng trong xã hội. Các trường đại học không chỉ là nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đó còn là nơi đào tạo ra những công dân có tri thức, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng và có nhân cách (Quốc Hội, 2013) Ngoài việc cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai, các trường đại học còn tạo ra môi trường lành mạnh để sinh viên hình thành và phát triển về nhân cách và đạo đức. Chính vì vậy để đánh giá một cách toàn diện về hiệu quả, chất lượng của giáo dục đại học, kết quả đào tạo đại học cần phải được đánh giá trên cả 2 khía cạnh: kiến thức, kỹ năng và sự phát triển về nhân cách và đạo đức của sinh viên.

Kết quả đào tạo là một chủ đề khá được quan tâm trong các nghiên cứu về giáo dục đại học Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu có liên quan đến kết quả đào tạo chủ yếu tập trung vào điểm số của sinh viên và các yếu tố có ảnh hưởng đến điểm số (Nguyễn Thị Thu An & cs., 2016; Nguyễn Thị Thúy & cs., 2020) hoặc đánh giá của các nhà tuyển dụng về kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp (Tran & Swierczek, 2009). Có rất ít nghiên cứu đề cập đến sự đóng góp của các trường đại học đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên. Ngoài ra, các đối tượng được khảo sát trong các nghiên cứu đánh giá kết quả đào tạo đại học cũng chủ yếu là các cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Các khảo sát dành cho các sinh viên đang học đại học thường chú trọng thu thập đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên, cơ sở vật chất của nhà trường..., các em chưa được yêu cầu tự đánh giá về kết quả học tập và phát triển nhân cách mình đạt được từ trải nghiệm học tập ở trường đại học. Về mặt lý luận, nghiên cứu này với trọng tâm thu thập thông tin tự đánh giá của sinh viên về kết quả đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (IUH) sẽ bổ sung mắt xích còn thiếu trong lĩnh vực nghiên cứu về kết quả đào tạo của giáo dục đại học Việt Nam, đó là sự đóng góp của các trường đại học đối với việc phát triển kiến thức và kỹ năng, nhân cách và đạo đức của sinh viên cũng như sự chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai của sinh viên. Xét về mặt thực tiễn, nghiên cứu này sẽ giúp trường IUH xác định được những hoạt động Nhà trường đã thực hiện tốt, những hoạt động Nhà trường cần cải thiện để nâng cao chất lượng đào tạo của mình.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Trải nghiệm học tập

Trải nghiệm là việc trải qua, kinh qua một điều gì đó (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Trải nghiệm có thể hiểu là việc tham gia, tiếp xúc với sự vật, hoạt động, hay sự kiện nào đó, thông qua đó, con người có thể sẽ thu nhận được những tri thức và kỹ năng mới. Ở bậc đại học, trải nghiệm học tập, có thể hiểu là toàn bộ các hoạt động sinh viên tham gia trong thời gian học tập tại một trường đại học. Nó có thể bao gồm các hoạt động học tập diễn ra trong lớp học hoặc các hoạt động ngoại khóa có liên quan đến học tập, các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nó còn bao gồm tất cả sự tương tác của sinh viên với chương trình học, với các thành viên khác trong nhà trường (Abbott, 2020). Trải nghiệm học tập giúp người học phát triển về mặt nhận thức, hiểu biết và xúc cảm. Thông qua trải nghiệm học tập, sinh viên thu nhận và tích lũy kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ (IBE, 2013).

Trải nghiệm học tập của sinh viên luôn được xem là một trong những chỉ báo quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo của giáo dục đại học. Các khảo sát về trải nghiệm học tập ở cấp quốc gia đã được tiến hành hàng năm với quy mô khá lớn tại nhiều nước. Trong số đó, có thể kể đến cuộc khảo sát National Survey of Student Engagement (NSSE) ở Mỹ hay cuộc khảo sát Australian Survey of Student Engagement (AUSSE) tại Úc. Tính riêng trong năm 2020, NSSE đã thu hút được sự tham gia của 484.242 sinh viên từ 601 trường đại học và cao đẳng tại Mỹ (NSSE, 2020). Các cuộc khảo sát về trải nghiệm học tập của sinh viên chủ yếu thu thập thông tin về mức độ đầu tư thời gian, công sức của sinh viên vào học tập và các hoạt động liên quan đến học tập; đánh giá của sinh viên về các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ sinh viên của nhà trường, chất lượng tương tác của sinh viên với giảng viên, nhân viên và bạn học; cảm nhận của sinh viên về các kết quả thu được từ trải nghiệm học tập tại trường và mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm. Các thông tin này sẽ giúp các trường đại học xác định được các lĩnh vực cần cải thiện để nâng cao chất lượng đào tạo (NSSE, 2013).

2.2. Kết quả đạt được từ giáo dục đại học

Các kết quả học tập và phát triển nhân cách mà giáo dục đại học có thể mang lại cho người học luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các học giả, các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách giáo dục (Coates, 2010). Các kết quả sinh viên đạt được từ giáo dục đại học được định nghĩa là sự phát triển, sự trưởng thành của sinh viên trong thời gian học tập tại một trường đại học và sự phát triển đó có được là nhờ vào các trải nghiệm học tập của sinh viên tại ngôi trường đó (Pascarella & Terenzini, 2005). Sự phát triển này bao gồm sự phát triển về kiến thức, về kỹ năng, thái độ, nhận thức và ý thức của người học dưới tác động của các chương trình, hoạt động học tập và giáo dục của nhà trường (Astin, 1997, 1991; Kuh, 1981).

Cách phân loại các kết quả sinh viên đạt được khá đa dạng. Ví dụ, Astin (1993) chia các kết quả thành 2 nhóm: nhận thức và xúc cảm trong khi Kuh (1993) lại phân chia các kết quả thành 5 lĩnh vực khác nhau: nhận thức; tích lũy và ứng dụng kiến thức; nhân văn; kỹ năng hướng nội và kỹ năng xã hội; kỹ năng thực hành. Pascarella và Terenzini (2005) dựa trên kết quả tổng hợp kết quả của 2.500 nghiên cứu về ảnh hưởng của giáo dục đại học đối với quá trình học tập và phát triển nhân cách của sinh viên, đã xếp các kết quả sinh

viên đạt được từ giáo dục đại học thành 8 nhóm riêng biệt, bao gồm: năng lực ngôn ngữ, định lượng và kiến thức chuyên ngành; sự phát triển về nhận thức và trí tuệ; sự thay đổi về tâm lý; thái độ và giá trị; sự phát triển về đạo đức; thành tích học tập; các ảnh hưởng kinh tế và nghề nghiệp; và chất lượng cuộc sống sau khi tốt nghiệp đại học. Dựa trên mục tiêu của giáo dục Đại học Việt Nam (Quốc Hội, 2013), trong nghiên cứu này, các kết quả sinh viên đạt được từ trải nghiệm học tập ở bậc đại học sẽ được chia thành 3 nhóm chính: kiến thức và kỹ năng học tập, phát triển nhân cách và sự chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai. Kiến thức và kỹ năng học tập đề cập đến các kiến thức và kỹ năng cơ bản mà giáo dục đại học có thể mang lại cho người học. Các kiến thức và kỹ năng này bao gồm các kiến thức đại cương, kỹ năng viết hiệu quả, kỹ năng giao tiếp, trình bày ý tưởng bằng lời nói hiệu quả, kỹ năng tự học (Coates, 2010). Đặc biệt, giáo dục đại học được mong đợi sẽ giúp sinh viên phát triển được tư duy phản biện, khả năng phân tích, đánh giá thông tin, số liệu và thống kê (Kuh et al., 2006). Trong thời đại kỹ thuật số và công nghiệp 4.0, đây là những kỹ năng được các nhà tuyển dụng xem trọng hàng đầu (Gray, 2016).

Sự phát triển nhân cách bao gồm sự phát triển các kỹ năng hướng nội (hiểu rõ hơn về bản thân) và kỹ năng xã hội của sinh viên (làm việc hiệu quả với người khác), kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp trong cuộc sống; sự hình thành ý thức công dân; sự phát triển về nhân cách và đạo đức (Coates, 2010). Những kỹ năng này sẽ giúp sinh viên có được cuộc sống lành mạnh, thành công sau khi tốt nghiệp, giúp họ trở thành những công dân có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội (Kuh, 1993).

Sự chuẩn bị về nghề nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp là một chức năng ngày càng quan trọng của giáo dục đại học (Coates, 2010). Sự chuẩn bị này thể hiện qua việc nhà trường cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng có thể giúp tăng cơ hội được tuyển dụng của họ, giúp họ tự tin gia nhập thị trường lao động và thành công trong sự nghiệp của mình. Chúng có thể bao gồm các kiến thức và kỹ năng liên quan đến chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp phù hợp với chuyên ngành và các kỹ năng, kiến thức giúp tăng khả năng tuyển dụng.

2.3. Mối liên hệ giữa trải nghiệm học tập và các kết quả đạt được

Trải nghiệm học tập của sinh viên có ảnh hưởng tích cực đối với các kết quả sinh viên đạt được từ giáo dục đại học (Pascarella & Terenzini, 2005). Mối liên hệ này đã được khẳng định trong kết quả của một số nghiên cứu về trải nghiệm học tập của sinh viên được thực hiện tại nhiều nước trên thế giới. Trong số đó, có thể kể đến dự án Wabash National Study of Liberal Arts Education (WNSLAE). Dự án đã thu thập dữ liệu về trải nghiệm học tập của hơn 17.000 sinh viên đang theo học tại 49 trường đại học tại Mỹ thông qua 2 công cụ nghiên cứu: NSSE và khảo sát trải nghiệm học tập của sinh viên do WNSLAE thiết kế. Phân tích dữ liệu cho thấy nỗ lực học tập của sinh viên cùng với một số hoạt động giảng dạy và hỗ trợ sinh viên của nhà trường có tác động tích cực đối với sự phát triển của một số kỹ năng học tập (kỹ năng lập luận hiệu quả, kỹ năng phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng học tập suốt đời...) và sự phát triển nhân cách và đạo đức của sinh viên (Pascarella et al., 2010).

2.3. Sự hài lòng của sinh viên

Sự hài lòng của sinh viên luôn được xem là một trong những thang đo quan trọng về chất lượng của giáo dục đại học hiện đại (Coates, 2010). Sinh viên chỉ hài lòng khi họ cảm thấy trải nghiệm học tập tại trường đại học đáp ứng được mong đợi của họ, thỏa mãn được các nhu cầu tiếp thu kiến thức, hình thành kỹ năng, phát triển nhân cách của họ và giúp họ sẵn sàng gia nhập vào thị trường lao động. Sự hài lòng của sinh viên thường được đo lường qua mức đánh giá của họ về chất lượng của trải nghiệm học tập tại trường và ý định tiếp tục đăng ký học ở trường nếu được chọn lựa lại (Coates, 2010). Phân tích dữ liệu từ cuộc khảo sát AUSSE 2007 tại Úc cho thấy trải nghiệm học tập của sinh viên có tác động tích cực đối với mức độ hài lòng của sinh viên. Sự hỗ trợ của nhà trường dành cho sinh viên trong học tập và đời sống là yếu tố có tác động lớn nhất đến sự hài lòng của sinh viên (Coates, 2008a). Nghiên cứu này cũng cho thấy sự tương quan tích cực giữa sự hài lòng của sinh viên với điểm số, sự phát triển về kiến thức, kỹ năng học tập, sự phát triển về nhân cách và đạo đức của sinh viên (Coates, 2008a).

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành nhằm thu thập thông tin về đánh giá của sinh viên đối với những kết quả họ đạt được từ trải nghiệm học tập tại IUH và mức độ hài lòng của họ đối với trải nghiệm học tập này. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, nhà nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu định lượng. Phương pháp khảo sát bằng bảng câu hỏi được dùng để thu thập dữ liệu. Khảo sát bằng bảng hỏi sẽ giúp nhà nghiên cứu thu thập được một lượng lớn thông tin phản ánh nhiều khía cạnh của kết quả học tập và cho phép nhà nghiên cứu khái quát hóa kết quả cho toàn bộ dân số nghiên cứu.

Dân số nghiên cứu bao gồm các sinh viên đại học hệ chính quy đang theo học tại IUH. Kích cỡ mẫu được tính toán dựa trên công thức Cochran (1977):

$$n = \frac{z^2 * p * (1-p)}{e^2}$$

Trong đó: n = kích cỡ mẫu

z = giá trị ngưỡng của phân phối chuẩn.

Trong nghiên cứu này, độ tin cậy được chọn là 95% nên $z = 1.96$

p = tỷ lệ ước lượng dân số có đặc điểm cần nghiên cứu, p được chọn là $p = 0,5$

e = sai số cho phép, $e = 0,05$

Theo công thức trên, kích cỡ mẫu cần có là 384. Nhà nghiên cứu quyết định chọn kích cỡ mẫu là 500 để tăng độ tin cậy cho dữ liệu. Mẫu được chọn lựa ngẫu nhiên theo cụm dựa trên đơn vị khoa sau đó đến đơn vị lớp học.

Bảng câu hỏi khảo sát được xây dựng dựa trên 13 mục hỏi được trích ra từ bảng câu hỏi College Survey Report (CSR) được sử dụng trong khảo sát NSSE của Mỹ (NSSE, 2020). Đây là bảng câu hỏi khảo sát phổ biến và có uy tín nhất về trải nghiệm học tập của sinh viên hiện nay. Các mục hỏi này sẽ giúp thu thập đánh giá của sinh viên về mức độ đóng góp của trải nghiệm học tập tại trường đối với sự phát triển về kiến thức và kỹ năng học tập và nghề nghiệp cũng như sự phát triển về nhân cách và đạo đức của họ. Bảng câu hỏi khảo sát cũng được bổ sung 2 mục hỏi được trích ra từ bảng câu hỏi bảng câu hỏi khảo sát Student Engagement Questionnaire (SEQ) của Úc (Coates, 2008b). Hai mục hỏi này liên quan đến sự phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. Thang đo mức độ 4 điểm được sử dụng để đo lường các đánh giá này. Các kết quả học tập được chia thành 3 nhóm: kiến thức và kỹ năng, phát triển nhân cách và sự chuẩn bị cho nghề nghiệp. Nội dung các mục hỏi trong từng nhóm sẽ được trình bày chi tiết trong phần Kết quả và thảo luận.

Để đo lường mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập tại trường IUH, nhà nghiên cứu sử dụng 2 chỉ báo: đánh giá chung của sinh viên về toàn bộ trải nghiệm học tập và quyết định của sinh viên có tiếp tục đăng ký vào học tại trường IUH hay không nếu được quyền chọn lựa lại.

Khảo sát được tiến hành vào tháng 4/2018. Nhà nghiên cứu phát phiếu khảo sát cho sinh viên các lớp được chọn lựa tham gia khảo sát. Sinh viên mất 10 phút để điền phiếu, sau đó nộp lại cho nhà nghiên cứu.

Dữ liệu thu thập từ phiếu khảo sát được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0. Tỷ lệ phần trăm và tần số xuất hiện được sử dụng để phân tích các đặc điểm của mẫu khảo sát và mô tả các đánh giá của sinh viên về kết quả đạt được và mức độ hài lòng của họ đối với trải nghiệm học tập tại IUH. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phép tính thống kê t-test để tìm hiểu sự khác biệt trong 2 nội dung nghiên cứu trên giữa sinh viên nam và nữ, giữa sinh viên các năm đầu (năm thứ nhất, thứ hai) và sinh viên các năm cuối (năm thứ ba, thứ tư), giữa sinh viên theo học khối ngành kỹ thuật và khối ngành kinh tế.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 Đặc điểm của mẫu khảo sát

Tổng số phiếu khảo sát được phát trực tiếp tại lớp học là 516 phiếu. Sau khi xử lý số liệu, số phiếu khảo sát hợp lệ thu được là 497.

Bảng 1: Đặc điểm của mẫu khảo sát

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	155	31,2
	Nữ	342	68,8
Năm học	Năm đầu	248	49,9
	Năm cuối	249	50,1
Ngành học	Kỹ thuật	273	54,9
	Kinh tế	224	45,1

Nguồn: Số liệu khảo sát 2018.

Xét theo giới tính, nam sinh viên chiếm 31,2% (155) và nữ sinh viên chiếm 68,8% (342). Về chuyên ngành học, mẫu khảo sát có hầu hết đại diện của các chuyên ngành được đào tạo tại trường. Trong nghiên cứu này, mẫu khảo sát được chia thành hai nhóm lớn: nhóm kỹ thuật (điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí ...) và nhóm kinh tế (kế toán, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, thương mại du lịch ...). Trong tổng số mẫu khảo sát, số sinh viên theo học nhóm ngành kỹ thuật chiếm 54,9% (276), số sinh viên theo học nhóm ngành kinh tế chiếm 45,1% (224). Xét theo năm học, tỷ lệ số sinh viên học các năm đầu (năm thứ nhất và thứ hai) là 49,9% và các năm cuối (năm ba và năm tư) là 50,1%.

4.2. Đánh giá của sinh viên về các kết quả đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường

Sinh viên được yêu cầu đánh giá 15 khía cạnh khác nhau liên quan đến kết quả học tập và rèn luyện nhân cách. Các khía cạnh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng học tập cơ bản sinh viên cần phải đạt được trong quá trình học đại học, thái độ, ý thức và các kỹ năng, kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Mỗi khía cạnh sẽ tương ứng với một mục hỏi trong bảng câu hỏi khảo sát. Mười lăm mục hỏi được sắp xếp vào 3 nhóm: kiến thức và kỹ năng học tập, phát triển nhân cách và sự chuẩn bị cho nghề nghiệp. Tất cả các mục hỏi đều được đo lường bằng thang đo Likert 4 điểm. Thống kê mô tả (tần số xuất hiện, tỷ lệ %) của các mục hỏi được trình bày trong bảng 3. Lưu ý, các chọn lựa 1 và 2 trên thang đo 4 điểm sẽ được tính chung cho mức đánh giá Ít, các chọn lựa 3 và 4 sẽ được tính chung cho mức đánh giá Nhiều. Việc sắp xếp các chọn lựa thành 2 nhóm sẽ giúp phân trình bày kết quả được thu gọn và tập trung hơn vào các giá trị chính. Cách trình bày này cũng sẽ giúp dữ liệu của nghiên cứu này có định dạng tương thích với dữ liệu của khảo sát NSSE. Nhờ vậy, việc so sánh kết quả của 2 nghiên cứu sẽ dễ dàng hơn.

Nhìn chung, có sự khác biệt trong đánh giá của sinh viên về kết quả đạt được trong 3 nhóm: kiến thức và kỹ năng học tập; phát triển nhân cách và sự chuẩn bị cho nghề nghiệp. Sinh viên cho rằng trải nghiệm học tập tại trường IUH giúp họ phát triển nhiều về nhân cách, nhưng lại chỉ đóng góp ở mức tương đối với sự tích lũy các kiến thức, kỹ năng học tập cơ bản cũng như sự chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai của họ. Các đánh giá của sinh viên cho từng nhóm kết quả sẽ được trình bày và thảo luận chi tiết bên dưới.

4.2.1. Kiến thức và kỹ năng học tập

Các mục hỏi trong nhóm này yêu cầu sinh viên đánh giá mức độ mà các trải nghiệm học tập tại trường đóng góp vào việc hình thành kiến thức và kỹ năng học tập của họ. Kiến thức và kỹ năng được khảo sát bao gồm kiến thức giáo dục đại cương, các kỹ năng viết, giao tiếp, trình bày ý tưởng hiệu quả, tư duy phân tích phân biện, khả năng phân tích số liệu thống kê, và khả năng tự học hiệu quả.

Về kiến thức, chỉ có 61,4% sinh viên được khảo sát cho rằng thời gian học tập tại Trường giúp họ tích lũy được nhiều kiến thức giáo dục đại cương. Nếu đối chiếu với tỷ trọng lên đến 30% thời lượng đào tạo dành cho khối kiến thức đại cương, tỷ lệ này hơi thấp so với mong đợi. Kết quả này cho thấy một số sinh viên không nghĩ rằng họ đã được cung cấp nhiều kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo. Điều này có thể do 2 nguyên nhân. Thứ nhất, các môn học chính trị chiếm nhiều học phần bắt buộc trong khối kiến thức đại cương. Trong khi đó, một số sinh viên xem việc học các môn chính trị là mất thời gian, kém hấp dẫn và không cần thiết cho nghề nghiệp tương lai của họ. Thứ hai, số lượng các môn học tự chọn trong chương trình còn ít, do vậy có thể chưa đáp ứng được nhu cầu khám phá kiến thức đa dạng của sinh viên. Một số sinh viên cho rằng họ đã không được cung cấp các kiến thức mà họ thật sự cảm thấy hứng thú và cần thiết. Ý thức được hạn chế này, bắt đầu từ năm học 2018 – 2019, chương trình đào tạo của trường IUH đã được bổ sung khá nhiều môn tự chọn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Sự thay đổi tích cực này hy vọng sẽ giúp gia tăng mức tích lũy các kiến thức rộng về giáo dục đại cương của sinh viên IUH trong các năm học tới.

Bảng 2: Đánh giá của sinh viên về các kết quả học tập và phát triển nhân cách mà sinh viên đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường

Nhóm	Các kết quả sinh viên đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường	Mức độ đánh giá	Tần số xuất hiện	%
Kỹ năng và kiến thức học tập	1. Có kiến thức rộng về giáo dục đại cương	Ít Nhiều	192 305	38,6 61,4
	2. Kỹ năng viết rõ ràng và hiệu quả	Ít Nhiều	180 317	36,2 63,8

	3. Kỹ năng giao tiếp, trình bày ý tưởng rõ ràng và hiệu quả	Ít Nhiều	133 364	26,7 73,3
	4. Khả năng tư duy phân biện và phân tích	Ít Nhiều	175 322	35,2 64,8
	5. Khả năng phân tích số liệu và thống kê	Ít Nhiều	230 267	46,3 53,7
	6. Tự học một cách hiệu quả	Ít Nhiều	146 351	29,4 70,6
Phát triển nhân cách	7. Làm việc hiệu quả với người khác	Ít Nhiều	126 371	25,3 74,7
	8. Hiểu rõ hơn về bản thân	Ít Nhiều	117 380	23,5 76,5
	9. Giải quyết những vấn đề thực tế phức tạp	Ít Nhiều	226 271	45,5 54,5
	10. Phát triển nhân cách và đạo đức	Ít Nhiều	96 401	19,3 80,7
	11. Trở thành một công dân tích cực và có học thức, kiến thức	Ít Nhiều	75 422	15,1 84,9
Sự chuẩn bị cho nghề nghiệp	12. Phát triển kỹ năng giao tiếp phù hợp với chuyên ngành của bạn	Ít Nhiều	195 302	39,2 60,8
	13. Có được những kiến thức và kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp và công việc	Ít Nhiều	200 297	40,2 59,8
	14. Trau dồi những kiến thức và kỹ năng giúp tăng khả năng được tuyển dụng của bạn	Ít Nhiều	219 278	44,1 55,9
	15. Đảm bảo công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp	Ít Nhiều	212 285	42,7 57,3

Nguồn: Số liệu khảo sát 2018.

Trong số 5 kỹ năng được khảo sát, nhiều sinh viên cho rằng thời gian học tập tại trường đã giúp họ phát triển kỹ năng giao tiếp, trình bày ý tưởng và khả năng tự học ở mức độ cao. Tỷ lệ chọn lựa cho 2 kỹ năng này lần lượt là 73,3% và 70,6%. Những nguyên nhân giúp sinh viên phát triển tốt 2 kỹ năng trên bao gồm: (i) hưởng ứng chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy của Trường, nhiều giảng viên đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, tạo nhiều điều kiện cho sinh viên thuyết trình, thảo luận trên lớp và (ii) chương trình học ở bậc đại học, đặc biệt là chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, đòi hỏi sinh viên phải tự học nhiều hơn ở bậc học phổ thông. Đối với 2 kỹ năng tiếp theo: viết một cách hiệu quả và tư duy phân biện, tỷ lệ sinh viên chọn lựa mức độ ‘Nhiều’ chỉ đạt 63,8% và 64,8%. Tỷ lệ này có thể là do chương trình đào tạo và kiểm tra, đánh giá của nhà trường chưa chú trọng đến việc phát triển 2 kỹ năng trên. Khi kiểm tra, đánh giá còn đặt nặng vào các kỳ thi chủ yếu kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức, sinh viên sẽ ít có điều kiện viết tiểu luận, trong khi tiểu luận là một hình thức kiểm tra có thể giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết và các kỹ năng tư duy như phân tích, đánh giá, tích hợp hay phân biện thông tin. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả của một số nghiên cứu trước đó (Nguyễn, 2016; Nguyễn Thị Thu Trang & cs., 2018). Các nghiên cứu này cho thấy chương trình đào tạo của trường IUH chưa nhấn mạnh đến việc phát triển các kỹ năng tư duy bậc cao, khả năng học tập tích hợp và chiêm nghiệm của sinh viên. Kỹ năng phân tích số liệu và thống kê được đánh giá thấp nhất trong nhóm kỹ năng với tỷ lệ sinh viên chọn mức ‘Nhiều’ chỉ đạt 53,7%. Tỷ lệ này có thể giải thích qua việc nhiều sinh viên trường Đại học Công nghiệp TP. HCM không thường xuyên thực hiện các hoạt động lập luận định lượng (Nguyễn Thị Thu Trang & cs., 2018).

Kết quả phân tích trình bày ở trên cũng khá tương đồng với một kết quả nghiên cứu trước đó (Nguyễn, 2016).. Kết quả phân tích về đánh giá của sinh viên của 4 trường đại học tại Việt Nam về mức độ đóng góp của trải nghiệm học tập tại trường đối với sự phát triển các kiến thức và kỹ năng học tập cũng ghi nhận mức độ đánh giá thấp của sinh viên đối với khả năng phân tích số liệu thống kê, khả năng tư duy phân biện và kỹ năng viết.

4.2.2. Phát triển nhân cách

Thang đo ‘Phát triển nhân cách’ yêu cầu sinh viên đánh giá mức độ mà trải nghiệm học tập tại Trường đóng góp vào sự phát triển của họ ở 5 khía cạnh: hiểu rõ hơn về bản thân, làm việc nhóm hiệu quả, giải quyết được các vấn đề thực tế phức tạp, phát triển nhân cách và đạo đức, và trở thành một công dân tích cực, có kiến thức và học thức.

Kết quả phân tích cho thấy sinh viên đánh giá cao 4/5 khía cạnh của thang đo này (ngoài trừ kỹ năng ‘Giải quyết vấn đề thực tế phức tạp’). Tỷ lệ sinh viên cho rằng thời gian học tập tại Trường đóng góp nhiều vào 4 khía cạnh của phát triển nhân cách biến thiên từ 74,6% cho đến 84,9%. Hai mục hỏi liên quan đến ‘phát triển nhân cách và đạo đức’ và ‘trở thành công dân tích cực, có kiến thức và học thức’ có tỷ lệ sinh viên chọn mức đóng góp ‘Nhiều’ đạt mức cao nhất (lần lượt là 80,7% và 84,9%). Tỷ lệ trên đã phản ánh việc chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên của Nhà trường thông qua thời lượng đào tạo đáng kể dành cho các môn học bắt buộc về chính trị, đạo đức, pháp luật cũng như thông qua các hoạt động giáo dục, tuyên truyền của Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên. Sinh viên cũng cho rằng trải nghiệm học tập tại Trường đã giúp họ hiểu rõ hơn về bản thân (76,5%) và làm việc với những người khác hiệu quả hơn (74,6%). Việc nhiều giảng viên tăng cường các hoạt động làm việc nhóm trong giờ dạy của mình đã đóng góp đáng kể vào sự hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm của sinh viên IUH. Hiện nay, Nhà trường đã đưa môn Kỹ năng làm việc nhóm vào chương trình đào tạo. Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để có thể làm việc nhóm hiệu quả. Điều này chắc chắn sẽ giúp kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên IUH tăng cao một cách đáng kể. Kỹ năng làm việc nhóm này không chỉ cần thiết cho sinh viên trong thời gian học tập mà cả cho công việc sau này của họ.

Khả năng ‘giải quyết vấn đề thực tế phức tạp’ đạt tỷ lệ sinh viên chọn ở mức ‘Nhiều’ thấp nhất (54,6%). Tỷ lệ này phù hợp với nhận định của một số nhà nghiên cứu trước đó về việc giáo dục đại học Việt Nam đặt nặng việc truyền thụ kiến thức lý thuyết nhưng xem nhẹ việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho sinh viên cũng như việc nội dung kiến thức được giảng dạy ở bậc đại học còn mang nhiều tính hàn lâm và chưa gắn liền nhiều với thực tế cuộc sống (Nguyễn, 2016; Tran et al., 2014).

4.2.3. Sự chuẩn bị cho nghề nghiệp

Nội dung này có 4 mục hỏi yêu cầu sinh viên đánh giá mức độ Nhà trường chuẩn bị ra sao cho họ gia nhập vào thị trường lao động. Nhìn chung, tỷ lệ sinh viên chọn lựa các mức đánh giá tích cực ‘Nhiều’ không cao, chỉ biến thiên từ 55,9% đến 60,8%. Tỷ lệ sinh viên được khảo sát cho rằng trải nghiệm học tập ở trường giúp họ có cơ hội phát triển các kỹ năng giao tiếp phù hợp với chuyên ngành đào tạo và tích lũy được nhiều kiến thức và kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp chỉ ở mức 60,8% và 59,8%. Tỷ lệ này có sụt giảm khi sinh viên được hỏi về khả năng được tuyển dụng của họ. Chỉ có 55,9% sinh viên cho rằng họ được trau dồi những kiến thức và kỹ năng giúp tăng khả năng được tuyển dụng và 57,3% sinh viên nghĩ rằng kiến thức, kỹ năng họ có được trong thời gian học tập tại trường sẽ đảm bảo cho họ tìm được một công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp. Kết quả trên cho sinh viên chưa đánh giá cao về sự chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai của Nhà trường dành cho họ cũng như chưa mấy lạc quan về cơ hội tuyển dụng của mình. Thái độ đó của sinh viên có thể do chịu ảnh hưởng của các thông tin về tỷ lệ thất nghiệp cao của cử nhân đại học trong những năm vừa qua cũng như sinh viên còn thiếu thông tin về yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

4.3. Mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập tại trường

Mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập tại trường IUH được đo lường qua (i) đánh giá chung của sinh viên về trải nghiệm học tập tại trường của họ theo 4 mức: kém, tạm được, tốt, tuyệt vời; (ii) sinh viên có đăng ký học tại trường IUH nếu được chọn lựa lại hay không. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3: Mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập tại trường IUH

Chỉ báo	Mức đánh giá	Tần số xuất hiện	%
Đánh giá về toàn bộ trải nghiệm học tập tại trường IUH	Kém	12	2,4
	Tạm được	215	43,3
	Tốt	245	49,3
	Tuyệt vời	25	5,0
Đăng ký học tại trường IUH nếu được chọn lựa lại	Chắc chắn	27	5,4
	không	158	31,8
	Có lẽ không	272	54,7
	Có lẽ có	40	8,0

Nguồn: Số liệu khảo sát 2018.

Kết quả phân tích số liệu cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập tại trường không cao. Có đến 45,7% (227) sinh viên được khảo sát chưa thật sự đánh giá cao chất lượng của trải nghiệm học tập tại trường IUH. Chỉ gần phân nửa (49,3%) số sinh viên được hỏi đánh giá trải nghiệm học tập của họ ở mức Tốt, tỷ lệ sinh viên đánh giá ở mức độ Tuyệt vời chỉ chiếm 5%. Gần 2/3 số sinh viên tham gia khảo sát (62,7%) cho biết họ sẽ tiếp tục đăng ký học tại trường IUH nếu được chọn lựa lại, số sinh viên sẽ chọn học ở trường khác chiếm 37,2%. Các tỷ lệ trên khá thấp khi so sánh với tỷ lệ tương ứng trong các cuộc khảo sát tương tự ở các trường Đại học ở Mỹ. Ví dụ, trong cuộc khảo sát NSSE ở cấp quốc gia được tiến hành ở Mỹ năm 2018, có đến 86% sinh viên được khảo sát đánh giá chất lượng trải nghiệm học tập của họ ở mức Tốt và Tuyệt vời hay có đến 85% sinh viên cho biết sẽ tiếp tục đăng ký học tại trường họ đang theo học nếu được phép chọn lựa lại (NSSE, 2019). Môi trường học tập tại IUH có thể là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên. Theo kết quả của một nghiên cứu về các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ sinh viên của nhà trường được tiến hành tại IUH vào năm 2018 (Nguyễn Thị Thu Trang &cs., 2018), sinh viên đánh giá tốt sự hỗ trợ của Nhà trường dành cho họ trong học tập, giao tiếp xã hội trong trường, tài chính và đời sống, nhưng họ không đánh giá cao chất lượng tương tác của họ đối với bạn học, với giảng viên và với nhân viên phòng ban của Trường. Điều này cho thấy, ngoài nâng cao chất lượng đào tạo, trường IUH cần phải cải thiện chất lượng và thái độ phục vụ của các thành viên trong trường nhằm tạo ra một môi trường học tập thân thiện hơn cho sinh viên. Môi trường học tập thân thiện sẽ làm tăng mức độ hài lòng của sinh viên, làm cho họ gắn bó hơn với nhà trường và sẽ có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của họ (Coates. 2008b).

4.4. Sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm sinh viên

Phép tính thống kê t-test được sử dụng để tìm hiểu sự khác biệt trong đánh giá của sinh viên đối với các kết quả đạt được từ trải nghiệm học tập ở trường cũng như mức độ hài lòng của họ đối với trải nghiệm này giữa các nhóm sinh viên. Các nhóm sinh viên được khảo sát được chia theo giới tính (nam/nữ), năm học (các năm đầu/ các năm cuối) và ngành học (kỹ thuật/ kinh tế). Effect size (hệ số d) cũng được tính toán để xác định độ lớn của sự khác biệt.

4.4.1. Sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm sinh viên về kết quả đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường IUH

Giới tính: Trong số 15 khía cạnh được khảo sát, sự khác biệt chỉ được ghi nhận ở mục hỏi Đảm bảo công việc sau khi tốt nghiệp ($t = 2,31$; $d = 0,22$; $p < 0,05$). Sinh viên nam đánh giá khả năng tìm được một công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp cao hơn sinh viên nữ. Điều này có thể liên quan đến ngành học của sinh viên. Đa số sinh viên nam tham gia khảo sát hiện đang theo học các ngành kỹ thuật. Trong những năm gần đây do thị trường khan hiếm về nhân lực trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, cơ hội tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên khối ngành kỹ thuật và công nghệ cũng gia tăng đáng kể.

Năm học: Dữ liệu cho thấy không có nhiều sự khác biệt giữa sinh viên các năm đầu và các năm cuối. Sinh viên các năm đầu đánh giá sự đóng góp của trải nghiệm học tập tại trường đối với sự phát triển nhiều về đạo đức và nhân cách ($t = 2,76$; $d = 0,26$; $p < 0,01$) và ý thức công dân ($t = 3,31$; $d = 0,29$; $p < 0,001$) cao hơn sinh viên năm cuối. Trong khi đó, sinh viên các năm cuối lại cho rằng trải nghiệm học tập tại trường giúp họ phát triển kỹ năng giao tiếp phù hợp với chuyên ngành ($t = -2,00$; $d = 0,17$; $p < 0,05$) ở mức độ cao hơn so với các sinh viên năm đầu. Tuy nhiên, effect size (d) cho thấy sự khác biệt này không lớn. Sự khác biệt này có thể xuất phát từ sự khác nhau trong chương trình đào tạo của sinh viên các năm đầu và các năm

cuối. Chương trình đào tạo ở các năm đầu thường chú trọng vào giáo dục đại cương, còn các kiến thức, kỹ năng liên quan đến chuyên ngành thường được tập trung cung cấp vào các năm cuối.

Ngành học: Dữ liệu cho thấy không có bất kỳ sự khác biệt nào giữa 2 khối ngành đào tạo trong các khía cạnh được khảo sát.

4.4.2. Sự khác biệt trong mức độ hài lòng đối với trải nghiệm học tập tại trường IUH giữa các nhóm sinh viên

Phân tích dữ liệu cho thấy không có sự khác biệt trong mức độ hài lòng đối với trải nghiệm học tập tại trường IUH giữa sinh viên các năm đầu và sinh viên các năm cuối. Xét về giới tính, sinh viên nam đánh giá toàn bộ trải nghiệm học tập tại trường tích cực hơn sinh viên nữ. Dựa trên ngành học, số lượng sinh viên thuộc khối ngành kỹ thuật cho biết họ sẽ tiếp tục đăng ký học tại trường IUH nếu được chọn lựa lại nhiều hơn sinh viên thuộc khối ngành kinh tế.

Sự khác biệt trong đánh giá về trải nghiệm học tập tại trường IUH giữa các nhóm sinh viên được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4: Sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm sinh viên

	Khía cạnh khảo sát	Giới tính	Năm học	Ngành học
Kết quả đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường IUH	Phát triển đạo đức và nhân cách		t = 2,76 d = 0,26**	
	Trở thành công dân tích cực, có kiến thức, học thức		t = 3,31 d = 0,29***	
	Phát triển kỹ năng giao tiếp phù hợp với chuyên ngành của bạn		t = -2,00 d = 0,17*	
	Đảm bảo công việc sau khi tốt nghiệp	t = 2,31 d = 0,22*		
Mức độ hài lòng	Đánh giá về toàn bộ trải nghiệm học tập tại trường IUH	t = 3,10 d = 0,29**		
	Đăng ký học tại trường IUH nếu được chọn lựa lại			t = 1,68 d = 0,21*

Chú thích: * = $p < 0,05$; ** = $p < 0,01$; *** = $p < 0,001$

Nguồn: Số liệu khảo sát 2018.

Số liệu thống kê giá trị trung bình (means) và độ lệch chuẩn của các khía cạnh khảo sát theo giới tính, năm học, ngành học được trình bày chi tiết ở phần Phụ lục.

5. KẾT LUẬN

5.1. Kết luận nghiên cứu

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy sinh viên của trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (IUH) đánh giá cao sự đóng góp của các trải nghiệm học tập tại Trường đối với sự phát triển nhân cách của họ. Về mặt kỹ năng, sinh viên cho rằng trải nghiệm học tập tại IUH có đóng góp tích cực đối với sự phát triển của một số kỹ năng học tập cơ bản của họ như kỹ năng giao tiếp và trình bày ý tưởng, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm nhưng chỉ đóng góp ở mức trung bình đối với một số kỹ năng khác như kỹ năng viết, tư duy phản biện, kỹ năng phân tích các số liệu thống kê hay kỹ năng giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, trải nghiệm học tập tại Trường cũng chưa giúp sinh viên chuẩn bị tốt cho nghề nghiệp tương lai của mình. Ngoài ra, mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập tại Trường chưa thật sự cao. Không có nhiều sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên trong các đánh giá về các kết quả đạt được từ trải nghiệm học tập ở Trường cũng như mức độ hài lòng của họ về trải nghiệm học tập tại Trường.

5.2. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhà nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm cải thiện trải nghiệm học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Các khuyến nghị sẽ tập trung vào 4 lĩnh vực sau:

- Kiến thức và kỹ năng: Trong chương trình đào tạo và công tác kiểm tra, đánh giá, Nhà trường cần chú trọng hơn đến việc phát triển cho sinh viên các kỹ năng viết, tư duy phân biện, giải quyết vấn đề và phân tích số liệu thống kê. Đây được xem là các kỹ năng mà nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, cần phải có trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 (Gray, 2016).
- Phát triển nhân cách: Nhà trường cần tổ chức và khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các hoạt động này sẽ góp phần không nhỏ trong việc nâng cao ý thức công dân, ý thức trách nhiệm với cộng đồng của sinh viên, qua đó, sẽ giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách và đạo đức.
- Chuẩn bị cho nghề nghiệp: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo của trường IUH cần theo sát với các yêu cầu thực tế của doanh nghiệp. Nhà trường cần đẩy mạnh việc hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo thông qua việc tham vấn ý kiến của doanh nghiệp khi thiết kế chương trình đào tạo hay kết hợp với doanh nghiệp trong việc triển khai Work-Based Learning hoặc phối hợp với doanh nghiệp thành lập các Trung tâm đào tạo trong Trường. Các biện pháp này đã được thực hiện tại một số trường đại học ở Việt Nam và bước đầu đã thu được những thành công nhất định (Đỗ Văn Dũng & Nguyễn Thị Thu Trang, 2018).
- Sự hài lòng của sinh viên: Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đối với trải nghiệm học tập của mình. Trong số đó, mối quan hệ của sinh viên với các thành viên khác trong Trường và các hoạt động hỗ trợ sinh viên của Nhà trường được xem là 2 yếu tố có ảnh hưởng tích cực nhất (Radloff & Coates, 2010). Do vậy, để nâng cao mức độ hài lòng và sự gắn bó của sinh viên với Nhà trường, trước tiên, Nhà trường cần cải thiện chất lượng tương tác của sinh viên với giảng viên, nhân viên và các bạn học. Bên cạnh đó, Nhà trường cần tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong cả học tập và đời sống.

5.3. Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này chỉ khảo sát đánh giá của sinh viên về một số kết quả sinh viên có thể đạt được từ trải nghiệm học tập tại một trường đại học. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, cần có thêm những nghiên cứu, đặc biệt là các nghiên cứu định tính, để xác định:

- Các kết quả học tập và phát triển nhân cách mà sinh viên và các bên liên quan (phụ huynh, trường đại học, nhà tuyển dụng ...) mong muốn đạt được từ trải nghiệm học tập của sinh viên ở bậc đại học trong môi trường giáo dục Việt Nam.
- Các yếu tố có ảnh hưởng đến kết quả học tập và phát triển nhân cách của sinh viên cũng như mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này.
- Các biện pháp giúp nâng cao thành quả học tập của sinh viên.

PHỤ LỤC**Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các khía cạnh khảo sát theo giới tính, năm học và ngành học**

Các kết quả sinh viên đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường	Giới tính				Năm học				Ngành học			
	Nam		Nữ		Đầu		Cuối		Kinh tế		Kỹ thuật	
	M	SD	M	SD	M	SD	M	SD	M	SD	M	SD
Có kiến thức rộng về giáo dục đại cương	2,66	0,66	2,62	0,64	2,67	0,65	2,62	0,67	2,64	0,69	2,67	0,64
Kỹ năng viết rõ ràng và hiệu quả	2,71	0,68	2,66	0,67	2,70	0,66	2,69	0,69	2,67	0,67	2,70	0,67
Kỹ năng giao tiếp, trình bày ý tưởng rõ ràng và hiệu quả	2,79	0,67	2,81	0,62	2,81	0,60	2,81	0,69	2,81	0,67	2,80	0,61
Khả năng tư duy phân biện và phân tích	2,73	0,68	2,68	0,65	2,70	0,63	2,70	0,71	2,69	0,67	2,70	0,64

Khả năng phân tích số liệu và thống kê	2,63	0,67	2,51	0,69	2,53	0,65	2,59	0,72	2,57	0,72	2,55	0,66
Tự học một cách hiệu quả	2,77	0,74	2,84	0,71	2,87	0,66	2,78	0,78	2,80	0,72	2,83	0,71
Làm việc hiệu quả với người khác	2,86	0,67	2,82	0,63	2,85	0,62	2,82	0,67	2,82	0,69	2,85	0,61
Hiểu rõ hơn về bản thân	2,83	0,68	2,90	0,66	2,95	0,63	2,83	0,76	2,85	0,69	2,90	0,70
Giải quyết những vấn đề thực tế phức tạp	2,63	0,77	2,54	0,69	2,62	0,70	2,55	0,77	2,55	0,72	2,59	0,73
Phát triển nhân cách và đạo đức	2,95	0,71	2,96	0,62	3,06	0,62	2,86	0,68	2,98	0,67	2,95	0,64
Trở thành một công dân tích cực và có học thức, kiến thức	2,99	0,71	3,01	0,58	3,08	0,60	2,92	0,65	3,01	0,64	2,99	0,61
Phát triển kỹ năng giao tiếp phù hợp với chuyên ngành	2,65	0,81	2,67	0,67	2,59	0,73	2,78	0,71	2,70	0,66	2,60	0,75
Có được những kiến thức và kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp và công việc	2,75	0,75	2,76	0,65	2,80	0,70	2,72	0,69	2,77	0,71	2,75	0,67
Trau dồi những kiến thức và kỹ năng giúp tăng khả năng được tuyển dụng của bạn	2,56	0,77	2,58	0,67	2,57	0,75	2,58	0,68	2,61	0,70	2,54	0,71
Đảm bảo công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp	2,72	0,74	2,56	0,71	2,60	0,71	2,62	0,76	2,56	0,77	2,64	0,70
Đánh giá về toàn bộ trải nghiệm học tập tại trường IUH	2,71	0,69	2,52	0,57	2,61	0,63	2,54	0,63	2,52	0,64	2,61	0,62
Đăng ký học tại trường IUH nếu được chọn lựa lại	2,69	0,84	2,64	0,65	2,72	0,67	2,60	0,74	2,57	0,68	2,72	0,72

Chú thích: *M* = means (giá trị trung bình); *SD* = Standard deviation (độ lệch chuẩn)

Nguồn: Số liệu khảo sát 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Văn Dũng & Nguyễn Thị Thu Trang, Cải cách để thích ứng với những thay đổi và yêu cầu đào tạo nhân lực trong kỷ nguyên số: Góc nhìn và kinh nghiệm từ trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: Nhu cầu nhân lực cho phát triển trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những đáp ứng của giáo dục đại học Việt Nam*, pp. 414 – 426, TP HCM: Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2018.
- Nguyễn Thị Thu An, Nguyễn Thị Ngọc Thứ, Đinh Thị Kiều Oanh và Nguyễn Văn Thành, Những nhân tố ảnh hưởng kết quả học tập của sinh viên năm I-II Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. số 46c, tr 82-89, 2016.
- Nguyễn Thị Thu Trang, Ngô Ngọc Hưng & Trần Anh Dũng, Nỗ lực học tập của sinh viên và các hoạt động giảng dạy, hỗ trợ sinh viên tại trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ trường Đại học Công nghiệp TP.HCM*, số 35, tr. 25-36, 2018.
- Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Hương Ly, Ngô Bảo My & Bùi Thị Ngân, Nghiên cứu mối quan hệ giữa phương pháp học tập và kết quả học tập của sinh viên chuyên ngành kế toán – kiểm toán tại một số trường đại học khối ngành Kinh tế trên địa bàn Hà Nội, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt kì 2, tr 297-303, 2020.

- Quốc Hội. *Luật Giáo dục Đại học*. Chương 1, điều 5, 2013. [Truy cập ngày 05/09/2020].
Truy cập tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-2012-142762.aspx>
- Viện Ngôn Ngữ Học, Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*. In lần thứ 9, Hà Nội – Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng, 2003.
- Abbott, S. (Ed.), *The glossary of education reform*. The great schools partnership, USA. [Accessed on 22 August, 2020]. Available at: <https://www.eqavet.eu/eu-quality-assurance/glossary/learning-experience>.
- Astin A.W., *Four critical years. effects of college on beliefs, attitudes, and knowledge*, CA: Jossey- Bass, San Francisco, 1977.
- Astin, A.W., *Assessment for excellence: the philosophy and practice of assessment and evaluation in higher education*, NY: MacMilan, New York, 1991.
- Astin, A.W., *What matters in college? : four critical years revisited*, Jossey-Bass, San Francisco, 1993.
- Coates, H., *Attracting, engaging and retaining: New conversations about learning*, Australian Council for Educational Research (ACER), Camberwell, 2008a.
- Coates, H., *Beyond happiness: managing engagement to enhance satisfaction and grades*, Australian Council for Educational Research (ACER), Camberwell, 2008b.
- Coates, H., Development of the Australasian Survey of Student Engagement (AUSSE), *Higher Education: The International Journal of Higher Education and Educational Planning*, vol. 60, no. 1, pp. 1-17, 2010.
- Cochran, W. G., *Sampling techniques* (3rd ed.). New York: John Wiley & Sons, 1977.
- Gray, A., The 10 skills you need to thrive in the Fourth Industrial Revolution, World Economic Forum, 2016.. [Accessed on 11 October, 2018]. Available at: <https://www.weforum.org/agenda/2016/01/the-10-skills-you-need-to-thrive-in-the-fourth-industrial-revolution>.
- International Bureau of Education (IBE), *Glossary of curriculum terminology*, IBE-UNESCO, 2013. [Accessed on 22 August, 2020]. Available at: <https://www.eqavet.eu/eu-quality-assurance/glossary/learning-experience>.
- Kuh, G.D., *Indices of quality in the undergraduate experience. AAHE-ERIC/Higher Education Research Report No. 4*, American Association for Higher Education and ERIC Clearinghouse on Higher Education, Washington D.C, 1981.
- Kuh, G.D., In their own words: what students learn outside the classroom, *American Educational Research Journal*, vol. 30, no. 2, pp. 277-304, 1993.
- Kuh, G.D., Kinzie, J., Buckley, J., Bridges, B. & Hayek, J., *What Matters to Student Success: A Review of the Literature*, Final Report for the National Postsecondary Education Cooperative and National Center for Education Statistics. Bloomington: Indiana University Center for Postsecondary Research, 2006.
- Nguyen, T-T-T., *Student engagement: A useful quality concept in the Vietnamese Higher Education* (PhD Thesis), 2016.
- National Survey of Student Engagement (NSSE), *A fresh look at student engagement—annual results 2013*, IN: Indiana University Center for Postsecondary Research, Bloomington, 2013. [Accessed on 22 August, 2014]. Available at: https://nsse.iub.edu/NSSE_2013_Results/pdf/NSSE_2013_Annual_Results.pdf
- National Survey of Student Engagement (NSSE), *NSSE 2018 Frequencies and Statistical Comparisons*, NSSE, IN: Indiana University Center for Postsecondary Research, Bloomington, 2019. [Accessed on 16 July, 2019]. Available at:

<[http://nsse.indiana.edu/2018_Institutional_Report/pdf/NSSE18%20Frequencies%20and%20Statistical%20Comparisons%20\(NSSEville%20State\).pdf](http://nsse.indiana.edu/2018_Institutional_Report/pdf/NSSE18%20Frequencies%20and%20Statistical%20Comparisons%20(NSSEville%20State).pdf)>

National Survey of Student Engagement (NSSE), What does NSSE do? , IN: Indiana University Center for Postsecondary Research, Bloomington, 2020. [Accessed on 22 August, 2020].

Available at: <<https://nsse.indiana.edu/nsse/about-nsse/index.html>>.

Pascarella, E. T. & Terenzini, P.T., *How college affects students : a third decade of research*, 2nd edn, Jossey-Bass, San Francisco, 2005.

Pascarella, E.T., Seifert, T.A. & Blaich, C., How effective are the NSSE benchmarks in predicting important educational outcomes?, *Change: The Magazine of Higher Learning*, vol. 42, no. 1, pp. 16-22, 2010.

Radloff, A. & Coates, H., *Doing more for learning: enhancing engagement and outcomes. Australasian Student Engagement Report*, Australian Council for Educational Research (ACER), Camberwell, 2010.

Tran, Q-T & Swierczek, F.W., Skills development in higher education in Vietnam, *Asia Pacific Business Review*, vol. 15, no. 4, pp. 565-586, 2009.

Tran, T-L., Marginson, S., Do, M-H., Do, T-N-Q., Le, T-T-T., Nguyen, T-N., Vu, T-P., Pham, N-T., Nguyen, T-L-H. & Ho, T-H-T., *Higher education in Vietnam flexibility, mobility and practicality in the global knowledge economy*, Palgrave Macmillan, Basingstoke, 2014.

Ngày nhận bài: 24/11/2020

Ngày chấp nhận đăng: 05/04/2021